TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS - ST
Ngày: 13/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Duy Chinh;

Bà Nguyễn Thị Thu Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2020/TLST - HS ngày 02 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST - HS ngày 30 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Đỗ Văn K, sinh ngày 09/4/1987 tại x, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 6, N, xã X, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; chức vụ: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; con ông Đ và bà N; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; "có mặt".

- *Bị hại*: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1968, nơi cư trú; Xóm 6, N, xã Xuân Ninh, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- *Người làm chứng:*

1. Ông Đỗ Trọng K, sinh năm 1963; nơi cư trú: Xóm 6, N, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

2. Ông Trần Đình S, sinh năm 1968; nơi cư trú: Xóm 6, N, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/10/2019, gia đình bà Đỗ Thị N, sinh năm 1968, nơi cư trú: xóm 6, N, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định thuê bàn ghế của ông Trần Đình S ở cùng xóm để tổ chức đám cưới cho con gái. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi đám cưới kết thúc, ông S và Đỗ Văn K đến để thu dọn bàn ghế. Trong lúc kiểm đếm, K thấy thiếu ghế nên hỏi thì chủ nhà bảo K tự tìm. K đi cầu thang lên tầng hai và đi vào phòng ngủ thứ nhất tìm không thấy chiếc ghế nào, K đến phòng ngủ thứ hai thấy cửa phòng không khóa, nhìn vào phòng thấy có chiếc tủ hai buồng, một bên cánh đang mở, bên trong treo quần áo và 01 chiếc túi ni lông màu đỏ treo một bên quai, K tiến lại gần thấy trong tủ có một tập tiền mệnh giá 500.000đ nên nảy sinh ý định trộm cắp. Quan sát không thấy ai ở tầng hai, K cầm tập tiền rút lấy 33.000.000đ cất vào trong giầy đang đi, số còn lại bỏ vào túi ni lông treo vào tủ như cũ. Sau đó, K đi về nhà cách đó khoảng 50 mét, giấu số tiền vừa trộm cắp trên nóc tủ trong phòng chứa đồ của gia đình rồi đến nhà bà N tiếp tục thu dọn.

Ngay sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà Đỗ Thị N đã làm đơn trình báo. Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Đỗ Văn K đã tự nguyện trả lại số tiền 33.000.000đ cho bà Đỗ Thị N. Sau đó Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ Đỗ Văn K 01 đôi giầy bằng cao su màu đen.

Bà Đỗ Thị N đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu đòi bồi thường gì thêm về dân sự nữa và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Đỗ Văn K.

Cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 30/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố hành vi của Đỗ Văn K về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo thừa nhận tính đúng đắn, khách quan của các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đánh giá về hành vi phạm tội cũng như nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn K phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn K từ 15 - 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 - 36 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tốt tụng hình sự đề nghị HĐXX: Tịch thu cho

tiêu hủy 01 đôi giầy.

Bị cáo không tự bào chữa và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 06/10/2019, tại gia đình bà Đỗ Thị N ở xóm 6, N, xã Xuân N, huyện X, tỉnh Nam Định, Đỗ Văn K đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý trông coi tài sản lén lút chiếm đoạt 33.000.000đ *(Ba mươi ba triệu đồng)*. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đối với bị cáo ra phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc mình làm; bị cáo bột phát nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật thì mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian

thử thách là phù hợp đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như quan điểm của Đại diện viện kiểm sát đề nghị theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Đỗ Thị N không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự nữa nên HĐXX không xem xét là phù hợp.

[8] Về vật chứng và tài sản thu giữ: 01 đôi giầy cất giữ tài sản thu giữ của bị cáo không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn K bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn K 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đỗ Văn K cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo Đỗ Văn K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 đôi giầy.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 14/CCTHA lập ngày 03/01/2020 giữa Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

3. Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Đỗ Văn K phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đỗ Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại bà Đỗ Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

***Nơi nhận*:**
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Công an Huyện;
- UBND xã X;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

Phạm Ngọc Long